TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2023/DS-ST
Ngày: 21-8-2023
V/v Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm.**
2. Bà **Võ Thị Điệp.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 733/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 217B/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH Một thành viên Tài chính T (TFSVN),**

Địa chỉ: Phòng 04-05, tầng 12, Saigon C Tòa 2, Số 67 đường L, phường B, Quận 1, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Bích H,** - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Ngô Minh T** - sinh năm 1981; Là nhân viên phòng thu nợ (theo văn bản ủy quyền ngày 07/03/2023).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn P,** - sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 1, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại Tòa án, anh Ngô Minh T đại diện cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tài chính T Việt Nam (gọi tắt là Công ty T) trình bày như sau:*

Ngày 28/10/2019 Công ty T có giao kết 01 Hợp đồng tín dụng số 1000400856 với anh Nguyễn Văn P thông qua việc anh Nguyễn Văn P (bên vay) đề nghị cấp tín dụng và Công ty T (bên cho vay) đồng ý cấp tín dụng cho khoản vay với số tiền: 616.000.000 đồng (Sáu trăm mười sáu triệu đồng) với nội dung chính sau đây:

- Mục đích của khoản vay: Mua 01 xe ô tô T INNOVA E, số khung: RL4JW3EM1K3368111, số máy: 1TRA661696, Biển số: 66A-104.35. Đồng thời, chiếc xe ôtô này là tài sản được bên vay thế chấp tại bên cho vay trong suốt thời hạn vay để bảo đảm cho khoản vay nêu trên.

- Thời hạn vay: 84 tháng.

- Lãi suất vay: 3.99%/năm, lãi suất này được điều chỉnh sau mỗi 03 tháng, hiện nay lãi suất áp dụng cho Hợp đồng tín dụng này là 10.85%/năm. Ngoài ra, nếu bên vay không thanh toán đúng hạn theo lịch thanh toán, phải chịu lãi suất quá hạn tương đương 150% lãi suất vay tại thời điểm tương ứng cho phần chậm thanh toán.

Từ sau khi giao kết hợp đồng tín dụng với nội dung nêu trên, anh Nguyễn Văn P chỉ thanh toán cho Công ty T đến kỳ tháng 03/2020. Trong khoảng thời gian từ khi bắt đầu thực hiện Hợp đồng tín dụng này, anh Phơn đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay, mặc dù Công ty T liên tục liên hệ nhắc nhở, gửi yêu cầu thanh toán số tiền phải trả cũng như yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm để Công ty T xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật nhưng anh Phơn vẫn cố tình trốn tránh không thực hiện. Vì vậy, hành vi vi phạm Hợp đồng này đã gây nhiều khó khăn cho Công ty T trong hoạt động kinh doanh của mình.

Như vậy, việc anh Nguyễn Văn P không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả là vi phạm Điều 12 của Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng - một phần không tách rời của Hợp đồng tín dụng số 1000400856. Căn cứ theo Điều 12 Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng - Hợp đồng tín dụng số 1000400856, Công ty T có quyền chấm dứt việc cho vay, buộc anh Nguyễn Văn P có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ đã quá hạn và toàn bộ số dư nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 1000400856 cho Công ty T như sau (số liệu được tính đến ngày 21/8/2023):

Số tiền gốc: 586.666.664 đồng.

Lãi: 158.657.305 đồng.

Lãi quá hạn: 109.012.072 đồng.

Tổng cộng: 854.336.041 đồng (Bằng chữ: Tám trăm năm mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi mốt đồng).

Những điều khoản trên của Hợp đồng tín dụng số 1000400856 được nêu chi tiết tại các Điều 4, 12, 17 của Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng; đồng

thời những quy định này cũng phù hợp với những quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30/12/2016.

Do vậy, để quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T được đảm bảo, các quy định của pháp luật được tôn trọng và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc anh Nguyễn Văn P thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ Công ty T là 854.336.041 đồng (tám trăm năm mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi mốt đồng) và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất quá hạn được quy định theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi anh Nguyễn Văn P thanh toán toàn bộ khoản tiền theo yêu cầu.

- Nếu anh Nguyễn Văn P không có khả năng thanh toán số tiền nêu trên, Công ty T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay của anh Nguyễn Văn P tại Công ty T là 01 xe ô tô T INNOVA E, số khung: RL4JW3EM1K3368111, số máy: 1TRA661696, Biển số: 66A-104.35 để cấn trừ vào nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Văn P cho đến khi thanh toán hết nợ còn thiếu của Công ty T.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên tòa xét xử của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn là anh Nguyễn Văn P.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của TFSVN; Bản sao giấy ủy quyền; Bản sao đề nghị cấp tín dụng-Hợp đồng tín dụng; Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng; Bản sao phụ lục thông tin về tài sản thế chấp là phương tiện giao thông; Bản sao Các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng; Bản sao điều lệ TFSVN; Bảng kê Chi tiết số tiền phải thanh toán; Bản sao giấy ủy quyền; Bản sao giấy đăng ký xe T Biển số 66A-104.35; Bản sao giấy CMND Nguyễn Văn P; Bản sao sổ hộ khẩu Nguyễn Văn P; Bản sao Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Nguyễn Văn P; Bản sao các yêu cầu thanh toán và xử lý nợ quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ tính đến ngày 21/8/2023 với tổng số tiền là 854.336.041 đồng và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất

quá hạn được quy định theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi anh Nguyễn Văn P thanh toán toàn bộ khoản tiền theo yêu cầu; trường hợp anh Nguyễn Văn P không có khả năng thanh toán số tiền nêu trên thì Công ty T có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô T INNOVA E, số khung: RL4JW3EM1K3368111, số máy: 1TRA661696, Biển số: 66A-104.35 để cấn trừ vào nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Văn P. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Do nơi cư trú bị đơn ở xã M, huyện C, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa ngày 21/8/2023, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố hay các yêu cầu gì khác trong vụ án này; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có văn bản xin xét xử vắng mặt; vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2022, người đại diện theo pháp luật của Công ty T là ông I (chức vụ Tổng giám đốc); tuy nhiên, đến ngày 26/12/2022 thì Công ty T được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - đăng ký thay đổi lần thứ 13 - theo đó, người đại diện theo pháp luật của Công ty được thay đổi là ông Đỗ Bích H, chức vụ Tổng giám đốc. Do đó, người đại diện theo pháp luật của Công ty T được xác định là ông Đỗ Bích H.

[5] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn P thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ Công ty T là 854.336.041 đồng (tám trăm năm mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi mốt đồng) và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất quá hạn được quy định theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi anh Nguyễn Văn P thanh toán toàn bộ khoản tiền theo yêu cầu. Nếu anh Nguyễn Văn P không có khả năng thanh toán số tiền nêu trên thì Công ty T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô INNOVA E, Biển số: 66A-104.35 để cấn trừ vào nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Văn P cho Công ty T; Hội đồng xét xử nhận định:

[6] Công ty T được phép thực hiện các hoạt động kinh doanh cung cấp tài trợ tín dụng chủ yếu cho khách hàng và đại lý của T trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam đã được ghi nhận tại Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài chính T Việt Nam. Xuất phát từ việc anh Nguyễn Văn P có nhu cầu vay tiền cho mục đích mua xe ôtô tiêu dùng. Ngày 28/10/2019, Công ty T (bên cho vay)

và anh Nguyễn Văn P (bên vay) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1000400856, theo đó Công ty T đồng ý cấp tín dụng cho khoản vay của anh Phơn với số tiền 616.000.000 đồng (sáu trăm mười sáu triệu đồng) với thời hạn 84 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, phương thức trả nợ gốc hàng tháng là 7.333.334 đồng/tháng và trả nợ lãi hàng tháng, đã được nguyên đơn chứng minh bằng tờ "Đề nghị cấp tín dụng - Hợp đồng tín dụng" số 1000400856 đề ngày 28/10/2019 thể hiện đúng như đơn khởi kiện và lời trình bày của phía nguyên đơn.

[7] Căn cứ vào bản chi tiết thanh toán mà nguyên đơn giao nộp thể hiện anh Phơn đã thanh toán nợ gốc cho Công ty T đến kỳ thứ 04 (ngày 28/02/2020) với tổng số tiền là 29.333.336 đồng, tiền lãi là 8.774.582 đồng và tiền lãi quá hạn là 49.082 đồng. Đến kỳ thứ 05 (ngày 28/03/2020) thì anh Phơn không trả đầy đủ khoản nợ gốc cũng như lãi suất cho Công ty T, như vậy đến ngày 28/3/2020 thì anh Phơn còn thiếu của Công ty T số tiền gốc là 586.666.664 đồng (616.000.000 đồng - 29.333.336 đồng) nhưng anh Phơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù anh Phơn đã được Công ty T nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở.

[8] Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, cũng như các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn được biết. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn nên đây được xem là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng tín dụng giữa hai bên đương sự là có thật, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lại số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng số 1000400856 ngày 28/10/2019 với số tiền 586.666.664 đồng nêu trên là có căn cứ.

[9] Đối với yêu cầu về lãi suất, xét Đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 1000400856 ngày 28/10/2019 thể hiện mức lãi suất vay là 3,99%/năm (365 ngày), lãi suất này không thay đổi trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, sau đó được điều chỉnh 03 tháng một lần căn cứ theo lãi suất được điều chỉnh định kỳ dựa trên lãi suất cơ bản của TFSVN cộng với biên độ được xác định tại thời điểm điều chỉnh, phương pháp tính lãi suất: *Số tiền lãi = (số nợ gốc thực tế x số ngày duy trì số nợ gốc thực tế x lãi suất theo năm)/365*; *lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay theo từng thời kỳ, áp dụng không quá 10%/năm đối với tiền lãi chậm trả tương ứng*. Đồng thời, theo Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng, tại mục 6.4 quy định: *Nếu TFSVN không nhận được đầy đủ khoản thanh toán của Bạn vào ngày đến hạn, Bạn sẽ phải trả khoản lãi quá hạn cho số tiền quá hạn từ ngày đến hạn cho đến khi nó được thanh toán đầy đủ. Lãi quá hạn sẽ được tính hàng ngày trên số tiền quá hạn theo lãi suất quá hạn được quy định trong đề nghị cấp tín dụng - hợp đồng tín dụng*. Căn cứ vào Điều 7 và điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước, lãi và lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật

Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi.

[10] Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 (công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao), *khách hàng vay ngoài phải trả khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.*

[11] Xét bảng kê chi tiết số tiền phải thanh toán đề ngày 21/8/2023 mà nguyên đơn đã giao nộp thể hiện từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 28/3/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2023) thì số tiền lãi mà bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 158.657.305 đồng, ngoài ra bị đơn còn phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận cho nguyên đơn với số tiền là 109.012.072 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn xác định số tiền lãi và lãi suất quá hạn như đã nêu trên đến thời điểm xét xử sơ thẩm là đúng với sự thỏa thuận của các đương sự và cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[12] Đối với yêu cầu về việc xử lý tài sản thế chấp: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 1000400856 ngày 28/10/2019 và Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 11/10/2022 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh đã thể hiện Công ty T có nhận bảo đảm tài sản của anh Nguyễn Văn P là 01 xe ô tô có số khung: RL4JW3EM1K3368111, số máy: 1TRA661696, Biển số: 66A-104.35, thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm là 17 giờ 31 phút ngày 29/10/2019. Xét thấy việc thế chấp tài sản tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật trong quá trình ký kết nên hợp đồng thế chấp tài sản giữa Công ty T và anh Nguyễn Văn P có hiệu lực pháp luật. Do đó, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì bên nhận tài sản bảo đảm có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại, bán đấu giá tài sản thế chấp để cấn trừ vào nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Văn P theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[13] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty T là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo luật định; nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 147, khoản 2 Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 483 Bộ của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, khoản 1 Điều 299, Điều 303 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 7 và điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài chính T Việt Nam. Buộc anh Nguyễn Văn P phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài chính T Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1000400856 ngày 28/10/2019 với tổng số tiền là 854.336.041 đồng (tám trăm năm mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 586.666.664 đồng (năm trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng), tiền lãi là 158.657.305 đồng (một trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm lẻ năm đồng) và tiền lãi quá hạn là 109.012.072 đồng (một trăm lẻ chín triệu, không trăm mười hai nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1000400856 ngày 28/10/2019.

2. Trường hợp anh Nguyễn Văn P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đối với số tiền nêu trên thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài chính T Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi, bán đấu giá tài sản bảo đảm cho khoản vay của anh Nguyễn Văn P tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài chính T Việt Nam là 01 xe ô tô có số khung: RL4JW3EM1K3368111, số máy: 1TRA661696, Biển số: 66A-104.35 để cấn trừ vào nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Văn P cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài chính T Việt Nam.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 37.630.000 đồng (ba mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng) anh Nguyễn Văn P phải chịu.

3.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài chính T Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.989.000 đồng (mười sáu triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014784 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Trường Chinh